

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc Điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 3350/2007/QĐ-UBND ngày 05/11/2007 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi lòng sông tỉnh Thanh Hóa đến năm 2015.**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đề điều số 79/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Quyết định số 3350/2007/QĐ-UBND ngày 05/11/2007 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi lòng sông tỉnh Thanh Hoá đến năm 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1481/TTr - SXD ngày 08/06/2012 xin phê duyệt điều chỉnh, bổ sung, cập nhật các bãi tập kết cát vào quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi lòng sông tỉnh Thanh Hóa đến năm 2015 và Văn bản số 1815/SXD-VLXD ngày 06/7/2012 về việc điều chỉnh số liệu một số bãi tập kết cát, sỏi,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh, bổ sung nội dung quy định tại điểm 2.3, khoản 2, Điều 1 về Quy hoạch khu vực bãi tập kết cát, sỏi lòng sông của Quyết định số 3350/2007/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2007 của UBND tỉnh, với các nội dung sau:

**1. Sự cần thiết lập điều chỉnh, bổ sung, cập nhật các bãi tập kết cát, sỏi**

Trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định số 3350/QĐ-UBND ngày 05/11/2007 của UBND tỉnh về Quy hoạch khảo sát, thăm dò, khai thác và sử dụng tài nguyên cát, sỏi lòng sông tỉnh Thanh Hoá đến năm 2015 đã phát sinh những vấn đề bất cập, một số khu vực tập kết cát chưa phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, cụ thể:

- Dự báo nhu cầu sử dụng cát, bãi tập kết cát chưa sát thực tế cho từng khu vực, dẫn đến quá trình thực hiện quy hoạch và cho thuê đất làm bãi tập kết cát chưa thực sự hiệu quả;

- Phạm vi quy hoạch chưa hợp lý, dẫn đến tại các khu vực hiện nay có nhu cầu lớn về bãi tập kết cát để phục vụ cho các công trình xây dựng, đường giao thông, thủy điện, lại chưa nằm trong quy hoạch;

- Số lượng các bãi tập kết cát còn ít, chưa cân đối về vị trí địa lý trên địa bàn các huyện, gây bất cập trong việc quản lý tài nguyên khoáng sản.

Từ thực tế nêu trên, việc điều chỉnh, bổ sung, cập nhật các bãi tập kết cát, sỏi dọc theo các tuyến sông chính là cần thiết.

## **2. Mục tiêu điều chỉnh, bổ sung, cập nhật quy hoạch**

2.1. Điều chỉnh, bổ sung lại cho hợp lý mạng lưới bãi tập kết, kinh doanh cát phù hợp cho từng huyện, thị xã, thành phố; đảm bảo việc cung cấp cát đến chân công trình là gần nhất, cân đối được cung cầu, xác định được nhà đầu tư thuê đất, chống thất thu thuế sử dụng đất và nguồn thu khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Đẩy nhanh tiến độ cho phép các nhà đầu tư thực hiện dự án khai thác và tập kết cát, không để xảy ra tình trạng có mỏ cát nhưng không có bãi tập kết và tránh việc nâng ép giá khi thực hiện xây dựng các công trình trọng điểm.

2.3. Làm cơ sở cho các ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố giải toả triệt để các bãi tập kết cát trái phép còn lại; tạo điều kiện để quản lý tốt, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật đối với các hoạt động khoáng sản và đất đai.

## **3. Tiêu chí đối với các bãi tập kết cát, sỏi được điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch và được thuê bãi tập kết**

3.1. Đối với các bãi tập kết cát, sỏi:

- Vị trí bãi tập kết đảm bảo tuân thủ theo Điều 26 của Luật Đê điều, cụ thể: Không ảnh hưởng đến hành lang bảo vệ đê đối với đê cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III; nằm ngoài hành lang an toàn đường bộ, cầu cống, công trình điện lực;

- Có khả năng kết nối (hoặc xây dựng mới) hệ thống đường giao thông vào bãi thuận lợi, phù hợp; thuận lợi trong việc vận chuyển cát từ dưới sông lên bãi.

3.2. Điều kiện để được thuê bãi tập kết, kinh doanh cát, sỏi:

- Ưu tiên cho các doanh nghiệp có mỏ cát đã được cấp phép, được lựa chọn các bãi có trong quy hoạch để tập kết, kinh doanh cát;

- Các trường hợp khác xin thuê bãi tập kết cát sỏi, ngoài việc đảm bảo thủ tục theo quy định của pháp luật về kinh doanh, còn phải có hợp đồng về nguồn cung cấp cát, sỏi hợp lệ, ổn định lâu dài và thực hiện các quy định chung về bảo vệ môi trường, các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

## **4. Các bãi tập kết cát, sỏi được điều chỉnh, bổ sung và cập nhật trên các tuyến sông**

4.1. Sông Mã:

- Tổng số các bãi tập kết cát điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch: 23 bãi. Trong đó: Số bãi điều chỉnh: 07 bãi; số bãi bổ sung: 11 bãi; số bãi cập nhật: 05 bãi.

#### 4.2. Sông Chu:

- Tổng số các bãi tập kết bổ sung vào quy hoạch: 07 bãi;

#### 4.3. Sông Bưởi:

- Số các bãi tập kết cát bổ sung vào quy hoạch: 01 bãi.

#### 4.4. Sông Lèn:

- Số các bãi tập kết cát bổ sung vào quy hoạch: 04 bãi.

#### 4.5. Sông Lạch Trường:

- Số các bãi tập kết cát bổ sung vào quy hoạch: 02 bãi.

#### 4.6. Sông Hoạt:

- Số các bãi tập kết cát bổ sung vào quy hoạch: 02 bãi.

### **5. Danh mục, vị trí, các bãi tập kết được bổ sung, điều chỉnh, cập nhật vào Quy hoạch** (*Chi tiết cụ thể như phụ lục kèm theo*)

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

##### **1. Trách nhiệm của các Sở, ngành**

1.1. Sở Xây dựng tổ chức công bố rộng rãi, công khai quy hoạch bổ sung các bãi tập kết cát, sỏi; hướng dẫn thực hiện quy hoạch. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã để bàn giao vị trí các khu vực bãi tập kết cát sỏi đã được phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này, cập nhật vào quy hoạch của địa phương để quản lý.

1.2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan xây dựng phương án giá cho thuê các bãi tập kết cát, sỏi và các loại phí theo quy định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

1.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ dự án của các nhà đầu tư và xin thuê đất làm bãi tập kết, kinh doanh cát theo quy định của UBND tỉnh.

##### **2. Trách nhiệm của UBND các huyện, thành phố, thị xã**

2.1. Thực hiện quản lý quy hoạch theo quy định.

2.2. Duy trì thường xuyên công tác kiểm tra, giải toả dứt điểm các bãi tập kết cát không có trong quy hoạch và có biện pháp chống tái tập kết cát trái phép trên địa bàn quản lý.

2.3. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về việc để xảy ra tồn tại bãi tập kết cát trái phép.

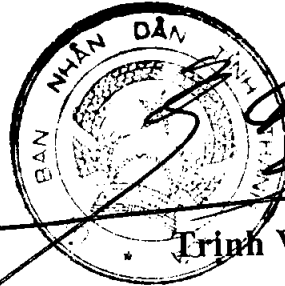
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có bãi tập kết cát, Thủ trưởng các ngành và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 QĐ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã liên quan;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

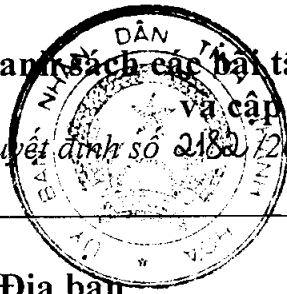


**Trình Văn Chiến**

**PHỤ LỤC**

**Danh sách các bãi tập kết cát, sỏi bổ sung, điều chỉnh  
và cập nhật vào quy hoạch.**

(Kèm theo Quyết định số 2182/2012/QĐ-UBND ngày 13/7/2012 của UBND tỉnh)



TT	Địa bàn	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Huyện Yên Định</b>		
1	Bãi vườn Luồng, xã Quý Lộc	5.100	(Điều chỉnh từ bãi B4 sang) Thửa số 2A tờ bản đồ địa chính số 4 xã Quý Lộc
2	Bãi thôn Phù Hưng, xã Yên Thái	6.000	Thửa số 1A tờ bản đồ địa chính số 1 xã Yên Thái
<b>II</b>	<b>Huyện Hoằng Hóa</b>		
3	Bãi thôn 9, xã Hoằng Anh	17.900	Thửa số 1, 2 tờ bản đồ địa chính số 5 xã Hoằng Anh
4	Bãi thôn Nghĩa Hưng, xã Hoằng Xuân	7.000	Thửa 390 tờ bản đồ địa chính số 9 xã Hoằng Xuân
5	Bãi thôn 6, xã Hoằng Khánh	14.000	(Điều chỉnh từ bãi 34b sang) Thửa số 419, 420, 421 tờ bản đồ địa chính số 14 xã Hoằng Khánh
6	Bãi thôn 3, xã Hoằng Giang	18.000	Thửa số 16, 19 tờ bản đồ địa chính số 5 xã Hoằng Giang
7	Bãi bồi, xã Hoằng Quang	23.000	Thửa số 4, 8, 9, 15 tờ bản đồ địa chính số 13 xã Hoằng Quang
8	Bãi thôn 4, xã Hoằng Minh	5.000	Thửa số 2 tờ bản đồ địa chính số 2 xã Hoằng Minh
9	Bãi thôn Kiều Tiên, xã Hoằng Đại	50.000	Thửa số 1, 2, 3, 4, 5, 28, 29, 45 tờ bản đồ địa chính số 7 xã Hoằng Đại
<b>III</b>	<b>Huyện Hậu Lộc</b>		
10	Bãi thôn Ngọc Trì, xã Đại Lộc	10.000	Thửa số 05, 18, 19, 41 tờ bản đồ địa chính số 2 xã Đại Lộc.
11	Bãi thôn Nhân Phú, xã Đồng Lộc	5.200	Thửa số 2, 3, 4, 9, 10, 15, 16 tờ bản đồ địa chính số 1 và 7 xã Đồng Lộc. Thửa số 4, 3, 15, 16 tờ bản đồ địa chính số 7 xã Đồng Lộc.
12	Bãi thôn 8, xã Liên Lộc	17.000	Thửa số 1, 10, 18, 24, 42, 378 tờ bản đồ địa chính số 9 xã Liên Lộc
<b>IV</b>	<b>Huyện Hà Trung</b>		
13	Bãi Nghè, xã Hà Ngọc	15.000	Thửa số 437, 453 tờ địa chính số 7 xã Hà Ngọc
14	Bãi khu Báo Văn, xã Hà Hải	8.000	Thửa số 334, 335, 336, 337, 338, 339 tờ bản đồ ĐC số 10 xã Hà Hải

<b>V</b>	<b>Huyện Bá Thước</b>		
15	Bãi La Hán, xã Ban Công	1.000	Thửa số 51 tờ bản đồ địa chính số 1 xã Ban Công
16	Bãi Chiềng Ai, xã Hạ Trung	1.500	Thửa số 289, 290 tờ bản đồ địa chính số 1 xã Hạ Trung
17	Bãi thôn Đâu Cả, xã Lương Ngoại	6.500	Thửa số 192, 193 tờ bản đồ địa chính số 1 xã Lương Ngoại
<b>VI</b>	<b>Huyện Cẩm Thủy</b>		
18	Bãi thôn Gia Dụ 3, xã Cẩm Sơn	3.000	(Điều chỉnh từ bãi B67 sang) Thửa số 9, 10, 11, 12, 13 tờ bản đồ địa chính số 9 xã Cẩm Sơn
19	Điều chỉnh bãi B62 cách hạ lưu bờ trái sông Mã 200 m	5.000	(Điều chỉnh từ bãi B62 sang) Thửa số 4 tờ bản đồ địa chính số 14 xã Cẩm Vân
20	Bãi bên Mỗ, thị trấn Cẩm Thủy	3.000	(Điều chỉnh từ bãi B66 sang) Thửa số 207, 246 tờ bản đồ địa chính số 7 thị trấn Cẩm Thủy
<b>VII</b>	<b>Huyện Thiệu Hóa</b>		
21	Bãi thôn Toán Phúc, Toán Tị, xã Thiệu Toán	15.000	Thửa số 270A, 103 tờ bản đồ địa chính số 3 xã Thiệu Toán
22	Bãi Làng Đô, xã Thiệu Vận	15.000	Thửa số 6, 53 tờ bản đồ địa chính số 2 xã Thiệu Vận
23	Bãi Kiến Hưng, thị trấn Vạn Hà	20.000	Thửa số 46, 47, 48, 49, 50 tờ bản đồ địa chính số 52 thị trấn Vạn Hà được phê duyệt năm 2011
24	Bãi Lạc Đô, xã Thiệu Vận	7.100	Thửa số 3 tờ bản đồ số 2 xã Thiệu Vận
25	Bãi thôn Nguyên Tân, xã Thiệu Nguyên	15.000	Thửa số 1552, 1562, 1575, 12, 9, 10, 11, 1 tờ bản đồ ĐC số 7, 11 xã Thiệu Nguyên
26	Bãi xã Thiệu Thịnh	10.022	Thửa số 2, 4, 5, 8 tờ bản đồ địa chính số 20 xã Thiệu Thịnh
<b>VIII</b>	<b>Thành phố Thanh Hóa</b>		
27	Bãi xã Đông Hải	10.545	Thửa số 522, tờ bản đồ địa chính số 5 xã Đông Hải (Công ty CP đầu tư PT Lê Hoàng thuê tại QĐ số 1863/QĐ-UBND ngày 31/05/2010 của UBND tỉnh)
28	Bãi xã Đông Hải	25.000	Thửa số 523 tờ bản đồ địa chính số 5 xã Đông Hải (Công ty CP TM và XD Minh Đạt thuê tại QĐ số 2537/QĐ-UBND ngày 23/07/2010 của UBND tỉnh)

29	Bãi xã Đông Hải	10.099	Cty TNHH Đức Thủy được thuê tại QĐ số 3862/QĐ-UBND ngày 27/10/2010 của UBND tỉnh.
30	Bãi xã Đông Hải	Đã chấp thuận chủ trương	Bãi số 4 – km 46+900 (về phía hạ lưu sông Mã) xã Đông Hải (Doanh nghiệp xây dựng Xuân Trường – Ninh Bình thuê)
31	Bãi Cồn Đu, thôn Lê Môn, xã Đông Hải	10.000	Thửa số 250 tờ bản đồ địa chính số 5 xã Đông Hải
<b>IX</b>	<b>Thị xã Sầm Sơn</b>		
32	Bãi bờ sông Mã, phường Quảng Tiến	10.600	Đất bãi bồi không thửa, thuộc tờ bản đồ địa chính số 5 phường Quảng Tiến
<b>X</b>	<b>Huyện Quảng Xương</b>		
33	Bãi xã Quảng Châu	10.600	Thửa số 574, 578 tờ bản đồ địa chính số 2 xã Quảng Châu (Cty CPĐT và TM Thăng Long thuê tại QĐ số 4378/QĐ-UBND ngày 10/12/2009 của UBND tỉnh.
<b>XI</b>	<b>Huyện Thạch Thành</b>		
34	Bãi thôn Phú Thành, xã Thành Hưng	15.500	Thửa số 285, 333, 286, 314, 260 tờ bản đồ ĐC số 11 xã Thành Hưng
<b>XII</b>	<b>Huyện Vĩnh Lộc</b>		
35	Bãi xã Vĩnh Minh	5.000	(Điều chỉnh từ bãi B10 sang) Thửa số 1578 tờ bản đồ địa chính số 8 xã Vĩnh Minh
36	Bãi xã Vĩnh Hùng	5.000	(Điều chỉnh từ bãi B46a sang) Thửa số 1211 tờ bản đồ địa chính số 16 xã Vĩnh Hùng
37	Bãi xã Vĩnh Ninh	5.000	Thửa số 500, 501, 502 tờ bản đồ địa chính số 9 xã Vĩnh Ninh
<b>XIII</b>	<b>Huyện Nga Sơn</b>		
38	Bãi thôn Báo Văn, xã Nga Lĩnh	10.210	Vị trí 1: 6.440 m <sup>2</sup> -Thửa 789 tờ bản đồ địa chính số 4 xã Nga Lĩnh Vị trí 2: 3.770 m <sup>2</sup> - Thửa số 684, 694 tờ bản đồ địa chính số 4 xã Nga Lĩnh
<b>XIV</b>	<b>Huyện Thọ Xuân</b>		
39	Bãi thôn 1, xã Xuân Khánh	8.006	Thửa số 1137, 1138 tờ bản đồ địa chính số 3 xã Xuân Khánh